

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tỉnh ủy về triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tỉnh ủy về Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển chính quyền số nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển kinh tế số với trọng tâm là doanh nghiệp số; phát triển xã hội số hỗ trợ người dân có cơ hội tiếp cận các dịch vụ số. Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số góp phần phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Phấn đấu năm 2025, đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý và điều hành. Đồng Tháp có chỉ số chuyển đổi số (DTI) đạt điểm số từ 0,7 trở lên so với của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hạ tầng số

- 100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng

thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Phân đầu 100% các hệ thống thông tin, nền tảng số được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

- 85% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- 80% người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh.

- Nâng cấp, bổ sung thiết bị hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo năng lực xử lý, cung cấp dịch vụ điện toán đám mây và bảo đảm an toàn thông tin.

b) Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính (*TTHC*) đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (*DVC TT*) toàn trình; Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*AI*) đối với 100% *TTHC* có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến.

- Phân đầu ít nhất 80% hồ sơ *TTHC* được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Duy trì 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, sẵn sàng thanh toán trực tuyến, cho phép thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (*ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật*); được cung cấp qua nhiều kênh truy cập; tự động điền dữ liệu sẵn có của người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tăng sự tiện lợi và trải nghiệm người dùng.

- Phân đầu 100% hồ sơ *TTHC* được giải quyết qua Hệ thống thông tin giải quyết *TTHC* của tỉnh; 100% kết quả giải quyết *TTHC* được cấp dưới dạng điện tử và tạo lập, lưu trữ được cung cấp vào Kho quản lý dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các *TTHC* được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (*ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù*) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng *DVC TT*, thực hiện các *TTHC*.

- Tối thiểu 60% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng hồ sơ tiếp nhận; Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng trong kết quả giải quyết *TTHC*.

- 90% báo cáo định kỳ, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của các cơ quan nhà nước được cập nhật, thực hiện trên Hệ thống báo cáo đa ngành của tỉnh, kết

nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh từ ngày 01/7/2025 được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá ít nhất 30% tài liệu lưu trữ lịch sử có giá trị cao, tạo tiền đề hoàn thành toàn bộ công tác số hoá tài liệu lưu trữ trong năm 2026.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước vào HTTT giải quyết TTHC của tỉnh qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVC TT.

- 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh có các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (*hệ thống họp trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cổng thông tin điện tử...*) để đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

c) Phát triển Kinh tế số

- Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và sử dụng nền tảng chuyển đổi số trong hoạt động.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thoát trong thu thuế, thất thu ngân sách.

- 85% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch.

- Phân đầu 100% các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt; Trên 50% dịch vụ vận tải triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục duy trì và thu hút thêm ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện tại Khu Công viên phần mềm Mê Kông.

- 100% sản phẩm thuộc Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP) được hỗ trợ kinh doanh trên môi trường trực tuyến.

- Kinh tế số chiếm 15% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

d) Phát triển Xã hội số

- Phần đầu trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân hoặc chữ ký điện tử để thực hiện các giao dịch trên môi trường điện tử.
- 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- 80% số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.
- 80% học sinh được triển khai học bạ điện tử số và bảng điểm điện tử.
- Phần đầu 100% cơ sở y tế triển khai Sổ sức khỏe điện tử; 80% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử.
- Mỗi người dân có đủ điều kiện đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số e-Dong Thap.

đ) Về nhân lực số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng các nền tảng dịch vụ số phục vụ công việc (*ứng dụng Đồng Tháp S, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, Cổng thông tin điện tử, Cổng dữ liệu mở, một trong các nền tảng AI: Gemini, ChatGPT, Copilot...*).
- 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.
- Phần đầu 100% các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số và công nghệ số.
- 100% cán bộ phụ trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin được bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số.
- Phần đầu 100% thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- a) Tiếp tục triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về

chuyển đổi số; Đề án chuyển đổi số Tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số bám sát theo chủ trương, định hướng của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, các kết luận chỉ đạo định kỳ, đột xuất của Tỉnh ủy, UBND tỉnh,... nhằm mục tiêu phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng xanh, bảo đảm phát triển bền vững.

b) Phát huy vai trò, từng thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; nêu cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc triển khai chuyển đổi số.

c) Định kỳ kiểm tra, giám sát tình hình kết quả thực hiện chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp phù hợp với tình hình thực tế.

d) Tập trung chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu đặt ra, đẩy nhanh tiến độ các dự án còn chậm tiến độ.

2. Thể chế, chính sách số

a) Xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định kỹ thuật về tiêu chuẩn dữ liệu của các hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL); các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (*nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành*) do các bộ, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa,...

c) Xây dựng ban hành Khung Kiến trúc số cấp tỉnh, phiên bản 4.0 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; Duy trì, cập nhật Khung kiến trúc đô thị thông minh.

3. Hạ tầng số

a) Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo về hạ tầng lưu trữ, hạ tầng tính toán, triển khai điện toán đám mây (*private, public*) phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đảm bảo tích hợp với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ và phù hợp với định hướng chung của Chính phủ về phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Nâng cao chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tiếp tục triển khai, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

c) Xây dựng, phát triển bền vững hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục phát triển mở rộng vùng phủ sóng 5G hướng đến cung cấp dịch vụ 5G tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Duy trì, phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng mạng WAN, mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối thông suốt đến 100% xã, phường.

đ) Tăng cường triển khai Trí tuệ nhân tạo (*AI*) để phân tích, khai thác dữ liệu. Đảm bảo 100% đơn vị, địa phương cung cấp dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở của Tỉnh với các bộ dữ liệu có chất lượng và có giá trị khai thác cao theo quy định của pháp luật để chuyển đổi số toàn diện.

e) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (*LGSP*) tiếp tục triển khai và khai thác để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

4. Nhân lực số

a) Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về chuyên đề chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

b) Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước theo nhu cầu của các cấp, các ngành.

c) Phân công, bố trí công chức phụ trách công nghệ thông tin theo phân cấp quản lý để tham mưu thực hiện công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

d) Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, khai thác và sử dụng DVC TT, các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống.

5. Phát triển dữ liệu số

a) Đẩy mạnh số hóa, cập nhật thông tin vào các CSDL, HTTT, nền tảng đã xây dựng; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung tạo nền tảng phát triển Chính quyền số; khai thác có hiệu quả kho dữ liệu cá nhân điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Tiếp tục xây dựng, phát triển HTTT, CSDL các ngành; khai thác có hiệu quả thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia; Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 47/2024/NĐ-CP.

c) Thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; lưu Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp DVC TT.

6. Chính quyền số

a) Phát triển các nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để đưa các hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường số, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp dựa trên dữ liệu thời gian thực (*realtime*).

b) Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

c) Tăng cường kết nối, liên thông dữ liệu của ngành, lĩnh vực với Nền tảng dùng chung và Kho dữ liệu dùng chung, đảm bảo chia sẻ với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (*IOC*) để tăng hiệu quả hoạt động, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.

d) Ứng dụng Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động; Tăng cường cung cấp các dịch vụ tiện ích trên nền tảng ứng dụng di động qua ứng dụng e-DongThap.

đ) Tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

e) Tiếp tục duy trì có hiệu quả Tổng đài 1022 và xây dựng thêm các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

g) Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Tỉnh (*LGSP*) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (*NDXP*); khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo

Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia.

7. Kinh tế số và xã hội số

a) Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh;

b) Tiếp tục thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong Khu công viên phần mềm MeKong.

c) Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

d) Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là DVC TT và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển thương mại điện tử đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số; Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục - đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

e) Phát huy hiệu quả hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền vận động người dân tham gia chuyển đổi số. Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số trên các kênh truyền thông.

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVC và nhân dân; Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân; Phổ biến các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.

b) Ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động về Ngày Chuyển đổi số năm 2025 (ngày 10 tháng 10) trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và điều kiện thực tế của tỉnh bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

c) Nâng cao chất lượng nội dung và hình thức tuyên truyền cho người dân tham gia chuyển đổi số; Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tổ chức các Hội nghị, hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Phát huy hiệu quả hoạt động các kênh Zalo OA tại địa phương, các chuyên mục Chuyển đổi số tại các Cổng/trang thông tin điện tử sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy hiệu quả hoạt động Tổ CNSCĐ.

đ) Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

a) Phát huy vai trò của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo đối với toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

b) Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng.

c) Việc triển khai các dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số tuân thủ nguyên tắc kế thừa và tiếp tục phát huy các kết quả, thành tựu từ hệ thống chính quyền điện tử, phù hợp với điều kiện và đặc thù từng cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp

a) Xây dựng triển khai các chuyên đề, chuyên mục tuyên truyền trên các báo, đài trên địa bàn tỉnh để phổ biến đến người dân, doanh nghiệp. Tổ chức các lớp đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng qua nền tảng học mở trực tuyến (*MOOCs*) do Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, các cơ quan truyền thông của Trung ương và địa phương); phát huy vai trò của các nền tảng mạng xã hội (*Zalo OA, facebook...*) là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền qua hệ thống

Công/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số; tuyên truyền qua các hội thi, sự kiện...

c) Thực hiện đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên mục, phóng sự, hội thảo, hội nghị, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động chuyển đổi số, chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

d) Xây dựng đa dạng các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền chuyển đổi số (*tin bài, thời sự, chuyên đề, video, hình ảnh,...*) thông qua nhiều hình thức linh hoạt, trực quan, dễ tiếp cận; tuyên truyền trên các loại hình báo chí, công thông tin điện tử, thông tin cơ sở, các nền tảng xã hội.

đ) Kết hợp nhiều hình thức thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Tiếp tục củng cố đầu mối cán bộ chuyên trách chuyển đổi số hoặc phụ trách chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (*đặc biệt là đầu mối tại cấp xã*) để tham gia vào hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

b) Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các sở, ngành, địa phương về chuyển đổi số, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số,...

c) Tiếp tục duy trì, củng cố và tổ chức tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ công tác Đề án 06 thúc đẩy quá trình triển khai các hoạt động tăng cường chuyển đổi số tại địa phương; Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

d) Tạo điều kiện cho sinh viên công nghệ thông tin được trải nghiệm và thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp chuyển đổi số của tỉnh để nắm bắt xu hướng công nghệ, nhu cầu chuyển đổi số của địa phương để áp dụng hiệu quả kiến thức được học ở trường vào thực tiễn, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn Tỉnh.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Phát huy các thỏa thuận hợp tác của UBND tỉnh đã ký kết với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực kinh nghiệm để tham gia chuyển đổi số.

b) Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố trong cả nước về các mô hình chuyển đổi số; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, các trường, viện trong việc chuyển giao công nghệ, giải pháp và nền tảng số.

c) Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong công tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu những thành tựu công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng vào hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và phục vụ người dân.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

a) Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số; ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, các giải pháp mới.

b) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi kế hoạch được giao cho các sở, ban, ngành (*chủ đầu tư*) triển khai theo khả năng cân đối ngân sách năm; địa phương có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch.

c) Lồng ghép nguồn lực tài chính từ các chương trình, đề án liên quan để thực hiện chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Tranh thủ tối đa sự hướng dẫn, hỗ trợ từ Trung ương, lồng ghép kinh phí, nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án của cơ quan Trung ương, Bộ chuyên ngành để xây dựng, phát triển nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng và thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số chuyên ngành, lĩnh vực. Khuyến khích huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bằng các hình thức nhà nước thuê dịch vụ sẵn có, hợp tác công - tư, sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động xây dựng nhiệm vụ, dự án, đề án, lập dự toán chuyển đổi số gửi cơ quan chuyên môn về kế hoạch, tài chính thẩm định và trình

UBND tỉnh quyết định; UBND cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Ban Chỉ đạo)

a) Giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm mục tiêu và tiến độ đề ra; điều phối việc thực hiện các chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên cấp, liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn Tỉnh; thành viên Ban Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện chuyển đổi số đối với các lĩnh vực được phân công thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch này, cụ thể hóa xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ. Định kỳ hằng quý tổng hợp báo tình hình triển khai và kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các Đề án, dự án đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn với cải cách hành chính và Đề án 06. Tổ chức hoạt động kết nối, hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số lớn trong và ngoài nước để hỗ trợ nghiên cứu, triển khai, cung cấp các nền tảng, giải pháp, dịch vụ công nghệ số phù hợp cho sở, ban, ngành, địa phương.

b) Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của sở, ban, ngành, địa phương.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Căn cứ dự toán kế hoạch đầu tư công năm 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn, dự toán chi thường xuyên được UBND tỉnh phê duyệt để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn kết với cải cách hành chính; tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thu hút đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

b) Sở Nội vụ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo các cấp và đào tạo, tập huấn trang bị, phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường

a) Căn cứ nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này và tình hình cụ thể, xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành Quý III/2025, gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b) Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực để thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tập trung cho các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm và các chỉ tiêu liên quan nêu tại mục I Kế hoạch này.

c) Định kỳ hằng quý (*trước ngày 20 của tháng cuối Quý*), 06 tháng (*trước ngày 25/5*) và báo cáo năm (*trước ngày 20/12*) về tình hình triển khai và kết quả thực hiện chuyển đổi số, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin

Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ. Tham gia tư vấn các giải pháp tạo nền móng và cung cấp các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ số phù hợp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện phát triển chính quyền số, kinh tế số, công dân số, xã hội số theo mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch này.

7. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Tháp

Xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tham gia, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, nhất là trong hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại khu vực nông thôn, địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

8. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp; các cơ quan báo chí, truyền thông hoạt động trên địa bàn tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương để thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài để phổ biến kiến thức, kỹ năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ số cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

(Kèm theo Phụ lục I - Phân công theo dõi, thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025)

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các dự án dự, nhiệm vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số dự kiến năm 2025 theo Phụ lục II đính kèm.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp giải quyết; trường hợp vượt quá thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành phần tại mục VI;
- VPUB: CVP, các PCVP, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KGVX (Thg)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ,
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời điểm đánh giá
I	TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC SỐ			
1	Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan truyền thông trên địa bàn Tỉnh tăng cường tuyên truyền các hoạt động chuyển đổi số	Sở VH, TT&DL	Báo, Đài, Cổng TTĐT Tỉnh	Cuối năm 2025
2	Xây dựng và ban hành Kế hoạch Ngày chuyển đổi số năm 2025	Sở KH&CN	Các sở, ngành Tỉnh	Tháng 10/2025
3	Phổ biến các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs) cho người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.	Sở KH&CN	Công an Tỉnh; Sở Nội vụ; Sở GD&ĐT	Thường xuyên
II	THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ			
4	Rà soát, sửa đổi các quy chế, quy định về khai thác, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung.	Sở KH&CN	Sở Tư pháp	Cuối năm 2025
5	Tiếp tục nghiên cứu, ban hành chính sách ưu đãi về thời gian, lệ phí đối với các thủ tục hành chính được thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Sở Tài chính	Sở Nội vụ, VP UBND Tỉnh	Cuối năm 2025
6	Xây dựng ban hành Khung Kiến trúc số cấp tỉnh, phiên bản 4.0.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành	Tháng 12/2025
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ			
7	Xây dựng lộ trình phát triển bền vững hạ tầng số, hạ	Sở KH&CN	UBND cấp huyện; các DN	Cuối năm 2025

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời điểm đánh giá
	tăng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục phát triển mở rộng vùng phủ sóng 5G hướng đến cung cấp dịch vụ 5G tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.		viễn thông	
8	Tiếp tục phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh kết nối chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành	Cuối năm 2025
IV	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ			
9	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin	Sở KH&CN	Sở Nội vụ	Cuối năm 2025
10	Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng dự dưng, khai thác các HTTT dùng chung của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở KH&CN	Sở Nội vụ	Tháng 9/2025
11	Tập huấn, trang bị kỹ năng, thông tin cần thiết cho các Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở KH&CN	UBND cấp xã	Cuối năm 2025
VI	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ			
12	Đẩy mạnh số hóa, cập nhật thông tin vào các CSDL, HTTT chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ngành theo quy định tại Nghị định số 47/2024/NĐ-CP.	Các sở, ngành chủ quản dữ liệu	Sở KH&CN	Cuối năm 2025
13	Thúc đẩy sử dụng các ứng dụng, dịch vụ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác	Sở KH&CN	Các sở, ngành Tỉnh; UBND cấp xã	Cuối năm 2025

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời điểm đánh giá
	quản lý và điều hành.			
14	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; lưu Kho quản lý dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân trên HTTT giải quyết TTHC	Các sở, ngành Tỉnh; UBND cấp xã	Sở KH&CN	Thường xuyên
VII	AN TOÀN THÔNG TIN			
15	Đánh giá an toàn thông tin cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu Tỉnh	Công an Tỉnh	Đơn vị tư vấn độc lập	Quý IV năm 2025
16	Bảo đảm tỷ lệ máy tính trong cơ quan hành chính nhà nước có cài đặt giải pháp phòng chống mã độc theo Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng chính phủ	Các sở, ngành Tỉnh; UBND cấp huyện	Công an tỉnh	Cuối mỗi Quý
17	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đạt 100%	Các sở, ngành Tỉnh; UBND cấp huyện	Công an Tỉnh	Tháng 12/2025
18	Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin	Công an Tỉnh	Đội ứng cứu sự cố máy tính Tỉnh	Quý IV năm 2025
VIII	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ			
19	Rà soát, nâng cấp các HTTT dùng chung đảm bảo theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	Sở Kh&CN	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Tháng 10/2025
20	Triển khai hiệu quả công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở KH&CN; Văn phòng UBND Tỉnh	Năm 2025

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời điểm đánh giá
21	Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số mới như: Big Data, IoT, AI trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.	Sở KH&CN	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên
22	Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc số.	Sở KH&CN	Các sở, ngành Tỉnh	Thường xuyên
IX	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ			
23	Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở KH&CN	Sở Tài chính; Sở Công Thương; UBND cấp xã	Cuối năm 2025
24	Tiếp tục duy trì và thu hút thêm ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện tại Khu công viên phần mềm Mê Kông.	Sở Công Thương	Các sở, ngành Tỉnh	Cuối năm 2025
25	Duy trì 100% sản phẩm OCOP được hỗ trợ kinh doanh trên môi trường trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử.	Sở Công Thương	UBND cấp xã	Thường xuyên
26	Tiếp tục hỗ trợ người nông dân tiếp cận với nền tảng công nghệ số và các công nghệ tiên tiến khác để phục vụ sản xuất nông nghiệp.	Sở NN&MT	Sở KH&CN	Cuối năm 2025
X	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ			
27	Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số trên các kênh truyền thông.	Sở VH, TT&DL	Sở KH&CN	Cuối năm 2025

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời điểm đánh giá
28	Đẩy mạnh các giải pháp, hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục và các hoạt động đời sống.	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở KH&CN	Thường xuyên

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ			
I	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NĂM 2024			
1	Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tiền Giang ¹	Sở KH&CN	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành
2	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) ²	Sở KH&CN	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành
3	Đầu tư tòa soạn đa phương tiện cho Báo Ấp Bắc ³	Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình	2023 - 2025	Năm 2025: tiếp tục thực hiện giai đoạn thực hiện đầu tư
4	Đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây ⁴	Sở KH&CN	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành
5	Hệ thống thông tin ngành Thanh tra (Giai đoạn 1) ⁵	Thanh tra tỉnh	2023 - 2025	Năm 2025: tiếp tục thực hiện giai đoạn thực hiện đầu tư
6	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng ⁶	Sở KH&CN	2023 - 2025	Năm 2025: quyết toán dự án hoàn thành
7	Xây dựng Hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	2022 - 2025	Năm 2025: tiếp tục thực hiện giai đoạn thực hiện đầu tư
II	DỰ ÁN NĂM 2025			
1	HTTT ngành Công an (Giai đoạn 1) ⁷	Công an tỉnh	2025 - 2027	Năm 2025: Thực hiện Giai đoạn đầu tư dự án

¹ Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tiền Giang.

² Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Trung tâm điều hành thông minh (IOC).

³ Quyết định số 3383/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư tòa soạn đa phương tiện cho Báo Ấp Bắc.

⁴ Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây.

⁵ Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thông tin ngành Thanh tra (giai đoạn 1).

⁶ Quyết định số 3415a/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng

⁷ Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 về chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thông tin ngành Công an (Giai đoạn 1).

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	HTTT ngành Công Thương (Giai đoạn 1) ⁸	Sở Công Thương	2025 - 2027	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi)
3	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở GD&ĐT	2024 - 2025	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án
4	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	2024 - 2025	Năm 2025: Thực hiện Giai đoạn đầu tư dự án
5	Hệ thống thông tin ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở VH TT&DL	2024 - 2025	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án (Trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư)
6	Thư viện điện tử	Sở VH TT&DL	2025 - 2026	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án (Trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư)
7	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai 29 xã, phường: xã Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ, An Phước, Thường Phước, Long Khánh, Long Phú Thuận, An Hòa, Tam Nông, Phú Thọ, Tràm Chim, Phú Cường, An Long, Thanh Bình, Tân Thạnh, Bình Thành, Tân Long, Tháp Mười, Thanh Mỹ, Mỹ Quý, Đốc Binh Kiều, Trường Xuân, Phương Thịnh, Phú Hữu, Tân Nhuận Đông, Tân Phú Trung và phường An Bình, Hồng Ngự, Thường Lạc, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành.	Sở NN&MT	2025 - 2026	Năm 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án (Trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư)
B	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP			
1	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2027 ⁹	Sở KH&CN	2025 - 2027	Năm 2025: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thuê được phê duyệt
2	Thuê hạ tầng lưu trữ phục vụ cổng thông tin điện tử tỉnh và các	Sở KH&CN	2025 - 2027	Năm 2025: Tiếp tục

⁸ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang về chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thông tin ngành Công Thương (giai đoạn 1).

⁹ Quyết định số 2381a/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mua sắm tài sản năm 2025 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	cổng thành phần giai đoạn 2025-2027 ¹⁰			thực hiện Kế hoạch thuê được phê duyệt
3	Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Sở KH&CN	2025	Thực hiện theo nguồn vốn được phê duyệt
4	Thuê phần mềm phòng, chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc ¹¹	Sở KH&CN	2025	
5	Thuê hạ tầng dịch vụ hệ thống Chính quyền số ¹²	Sở KH&CN	2025	
6	Thuê dịch vụ triển khai phần mềm họp trực tuyến 2 chiều ¹³	Sở KH&CN	2025	
7	Đào tạo bảo mật an toàn thông tin	Công an Tỉnh	2025	
8	Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông, thuê bao tổng đài hệ thống một cửa, dịch vụ công trực tuyến; Thuê đường truyền cho Hệ thống hội nghị truyền hình và thuê bao mạng WAN tại TTTHDL	Sở KH&CN	2025	
9	Thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến	Sở KH&CN	2025	
10	Mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ TTTHDL tỉnh, điện, điện tử viễn thông	Sở KH&CN	2025	
11	Bảo trì hệ thống cảnh báo nhiệt độ, độ ẩm, báo cháy, ups...; sửa chữa và vệ sinh máy lạnh; bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa TX của TT THDL	Sở KH&CN	2025	
12	Chi phí trực Hội nghị truyền hình và vận chuyển các thiết bị phòng họp trực tuyến	Sở KH&CN	2025	
13	Bản quyền spam mail	Trung tâm CDS, Sở KH&CN	2025	
14	Thuê dịch vụ DDoS đường truyền VNPT	Sở KH&CN	2025	
15	Thuê dịch vụ DDoS đường truyền Viettel	Sở KH&CN	2025	
16	Trang bị nền tảng quản trị điện tử tập trung (mail điện tử, tích hợp phần quản lý giao nhiệm vụ, phần mềm lịch công tác)	Sở KH&CN	2025	
17	Mua thiết bị tường lửa phục vụ cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Sở KH&CN	2025	
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý ngăn chặn	Sở Xây dựng	2025	

¹⁰ Công văn số 6469/UBND-KT ngày 12/10/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc chấp thuận chủ trương thuê hạ tầng lưu trữ phục vụ cổng thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành phần giai đoạn 2025 - 2027

¹¹ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang về phê duyệt Kế hoạch thuê phần mềm phòng, chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc

¹² Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang về phê duyệt Kế hoạch thuê hạ tầng, dịch vụ chính quyền số.

¹³ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang về phê duyệt kế hoạch thuê phần mềm họp trực tuyến 02 chiều.

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	phát sinh các công trình vi phạm mới			
19	Trang bị phần mềm phòng, chống mã độc đáp ứng yêu cầu Chỉ thị số 14/CT-TTg	Công an Tỉnh	2025	
20	Thuê dịch vụ SMS brandname, duy trì đầu số tổng đài Chatbot cho hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hệ thống thông tin ngành y tế; cước phí tổng đài 1022	Sở KH&CN	2025	
21	Cước đường truyền Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Sở KH&CN	2025	
22	Trang bị hệ thống Wifi phục vụ các chương trình sự kiện, lễ hội của tỉnh (thiết bị, đường truyền, nguồn điện, thiết bị phụ trợ...)	Sở KH&CN	2025	
23	Chi phí tập huấn, hoạt động tổ công nghệ số cộng đồng (ở các cơ sở tại các địa phương)	Sở KH&CN	2025	
24	Đào tạo An toàn thông tin cho đội ngũ chuyên trách	Công an Tỉnh	2025	
25	Diễn tập thực chiến bảo đảm ATTT mạng (Chỉ thị 60/CT-BTTTT)	Công an Tỉnh	2025	
26	Thuê dịch vụ vận hành, giám sát ATTT cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và hệ thống mạng của sở, ban, ngành.	Công an Tỉnh	2025	
27	Tổ chức diễn tập thực chiến cho hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu	Công an Tỉnh	2025	
28	Thuê đánh giá ATTT cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và hệ thống mạng của sở, ban, ngành	Sở KH&CN	2025	
29	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin vận hành, sử dụng hệ thống báo cáo tỉnh Đồng Tháp	Sở KH&CN	2025	
30	Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp (Tuyên truyền, tài liệu, tư liệu, xây dựng chương trình truyền hình... tổ chức hội thảo chuyển đổi số)	Sở KH&CN	2025	
31	Chi phí chuyển đổi IPv6 năm 2022 cho Trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở KH&CN	2025	
32	Hệ thống thông tin nguồn	Sở VHTT&DL	2025	
33	Thuê hệ thống đào tạo về chuyển đổi số trên nền tảng học mở trực tuyến MOOCs	Sở KH&CN	2025	
34	Thuê Dịch vụ vận hành tổng đài thông tin dịch vụ công 1022	VP UBND Tỉnh	2025	
35	Thực hiện đề án chuyển giao các nhiệm vụ hành chính công	VP UBND Tỉnh	2025	
36	Thuê Hệ thống thông tin quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp	Sở Công Thương	2025	
37	Thực hiện duy trì vận hành phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức năm 2024	Sở Nội vụ	2025	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
38	Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	2025	
39	Thuê dịch vụ CNTT duy trì, vận hành phần mềm đánh giá Chỉ số CCHC	Sở Nội vụ	2025	
40	Nâng cấp phần mềm Số hóa, lưu trữ, khai thác và công bố phát huy giá trị tài liệu lưu trữ lịch sử của Tỉnh	Sở Nội vụ	2025	
41	Nâng cấp phần mềm giá (kê khai trực tuyến, tích hợp chữ ký số, hỗ trợ Mobile App trên ứng dụng di động	Sở Tài chính	2025	
42	Nâng cấp phần mềm Quản lý tài sản	Sở Tài chính	2025	